

INTERNATIONAL EDUCATION DEVELOPMENT STRATEGIES OF SOME COUNTRIES AND LESSONS FOR VIETNAM

Dinh Thi Bích Loan^{*1}, Phạm Thị Vân²

* Corresponding author
Email: loandtb@vnies.edu.vn

² Email: van.pt@vnies.edu.vn

^{1,2} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

Received: 06/02/2025

Revised: 08/4/2025

Accepted: 12/5/2025

Published: 25/6/2025

Abstract: International education has garnered increasing attention, especially in developing countries, due to its various economic, political, and diplomatic potential benefits. This paper explores the international education development strategies of Canada, Australia, and China. These countries have adopted different directions and strategies aligned with their specific goals and ambitions, as reflected in policies related to education (such as quality assurance, curricula, delivery modes, teaching approaches, and assistance to students) as well as immigration and employment. These cases represent practical lessons from which Vietnam can draw in adjusting its policies to better develop international education and harness its benefits more effectively

Keywords: *International education, international student, transnational education, strategy.*

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Dinh Thị Bích Loan^{*1}, Phạm Thị Vân²

* Tác giả liên hệ
Email: loandtb@vnies.edu.vn

² Email: van.pt@vnies.edu.vn

^{1,2} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 06/02/2025

Chỉnh sửa xong: 08/4/2025

Chấp nhận đăng: 12/5/2025

Xuất bản: 25/6/2025

Tóm tắt: Giáo dục quốc tế đã và đang được nhiều nước, đặc biệt là các nước phát triển chú trọng bởi nhiều lợi ích mang lại về kinh tế, chính trị và ngoại giao. Bài viết nhằm tìm hiểu chiến lược phát triển giáo dục quốc tế ở các quốc gia Canada, Úc và Trung Quốc. Mỗi quốc gia có các định hướng, chiến lược khác nhau để phát triển lĩnh vực này phù hợp với các mục đích và tham vọng của mình, thể hiện qua các chính sách liên quan không chỉ tới giáo dục (đảm bảo chất lượng giáo dục, đa dạng hóa chương trình, nội dung, hình thức giáo dục,...) mà còn tới các lĩnh vực khác như di trú, lao động việc làm,... Đây là những bài học kinh nghiệm thực tiễn để Việt Nam có thể tham khảo điều chỉnh các chính sách phát triển giáo dục phù hợp hơn, khai thác tốt hơn lợi ích của giáo dục quốc tế.

Từ khóa: *Giáo dục quốc tế, sinh viên quốc tế, giáo dục xuyên quốc gia, chiến lược.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, viễn thông và tự do hóa thương mại trong dịch vụ giáo dục, một bộ phận lớn sinh viên, giảng viên, cơ sở đào tạo và các chương trình giảng dạy đã dịch chuyển vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia. Trong xu thế ấy, từ lâu nhiều quốc gia đã chú trọng tới chiến lược phát triển giáo dục quốc tế.

Trên thực tế, khái niệm “Giáo dục quốc tế” hiện vẫn chưa có được một ý nghĩa thống nhất, duy nhất. Trong ấn bản đầu tiên của bộ bách khoa toàn thư quốc tế về giáo dục, James (2005) cho rằng, giáo dục quốc tế có thể được coi là bao gồm: “Tất cả các nỗ lực

giáo dục nhằm thúc đẩy định hướng quốc tế về kiến thức và thái độ”. Arum (1987) chia giáo dục quốc tế thành ba phần: Nghiên cứu quốc tế (bao gồm tất cả các nghiên cứu liên quan đến việc giảng dạy hoặc nghiên cứu ở các khu vực nước ngoài và ngôn ngữ của họ); Trao đổi giáo dục quốc tế (bao gồm sự dịch chuyển quốc tế của sinh viên và giảng viên cho mục đích học tập, giảng dạy và nghiên cứu) và Hỗ trợ kỹ thuật (làm việc để phát triển các tổ chức và nguồn nhân lực ở nước ngoài). Ngoài ra, ở cấp trường học, thuật ngữ này còn được hiểu bao hàm các trường quốc tế, các chương trình giáo dục lấy văn bằng quốc tế hay quốc tế hóa trải nghiệm học tập thể hiện ở việc

trẻ em theo học tại một trường học ở một quốc gia khác (Paul Tarc, 2023).

Như vậy, có thể hiểu giáo dục quốc tế đề cập đến giáo dục xuyên biên giới, bao gồm các hoạt động giáo dục vượt ngoài phạm vi quốc gia hoặc kết nối qua biên giới quốc gia, là bất kì loại hình giáo dục nào đến từ một quốc gia khác hoặc diễn ra bên ngoài quốc gia của một người. Đồng thời, giáo dục quốc tế cũng có ý nghĩa thể hiện một cách tiếp cận toàn diện đối với giáo dục nhằm mục đích chuẩn bị cho người học có thể tham gia tích cực và có hiệu quả vào một thế giới kết nối, toàn cầu hóa. Việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về nội dung này là một việc làm cần thiết để có thể có những điều chỉnh chính sách phù hợp hơn đối với sự phát triển của giáo dục ở Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Bối cảnh giáo dục quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam

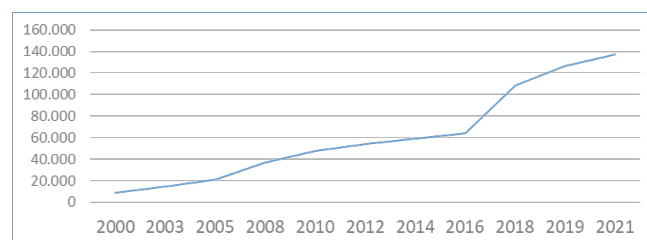
2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Hiện nay, các quốc gia phát triển ở Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Úc và ngay cả Châu Á đều đang cố gắng mở rộng sự có mặt và ảnh hưởng của mình ra quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Ngày càng xuất hiện nhiều chương trình trao đổi, liên kết đào tạo quốc tế hay chi nhánh trường nước ngoài tại quốc gia của người học, các chương trình giáo dục trực tuyến, giáo dục từ xa. Đặc biệt, các luồng di chuyển quốc tế của sinh viên ngày càng trở nên mạnh mẽ, “nhộn nhịp”. Theo số liệu thống kê mới nhất, số sinh viên quốc tế hiện là 6,4 triệu người, chiếm 2,7% tổng số sinh viên trên toàn cầu. Trong 5 năm, từ năm 2016 đến 2021, mức tăng trưởng số lượng sinh viên quốc tế trên toàn thế giới là 25% (Campus France, 2024). Mức độ cạnh tranh giữa các quốc gia trong lĩnh vực giáo dục quốc tế ngày càng gay gắt, đặc biệt trong thu hút sinh viên quốc tế. Học phí và sinh hoạt phí của các du học sinh nước ngoài trở thành nguồn tài chính quan trọng đối với nhiều quốc gia. Theo Bộ Thương mại Mỹ, năm 2018, sinh viên quốc tế đã đóng góp 45 tỉ đô la cho nền kinh tế Mỹ (IIE, nd). Ở Úc, nguồn thu từ sinh viên quốc tế đã giúp lấp đầy khoảng trống tài chính do Chính phủ cắt giảm tài trợ cho các trường đại học.

2.1.2. Bối cảnh giáo dục quốc tế của Việt Nam

Có thể nói, giáo dục quốc tế ở Việt Nam đã được chú ý từ lâu, thể hiện qua các chính sách gửi nhân lực đi đào tạo ở nước ngoài từ những năm đầu của thế kỉ XX.

Hiện nay, Việt Nam có 137.022 sinh viên đang học tập ở nước ngoài, chiếm khoảng 2,1% tổng số sinh viên quốc tế và tương ứng 5% tổng số sinh viên Việt Nam, cao hơn tỉ lệ này của Trung Quốc và Ấn Độ (Campus France, 2024).



(Nguồn: Viện Thống kê UNESCO, truy cập và trích xuất dữ liệu ngày 12 tháng 11 năm 2016 và ngày 21 tháng 02 năm 2020, Campus France (2021, 2022, 2024))

Biểu đồ 1: Số lượng sinh viên Việt Nam du học ở nước ngoài giai đoạn 2000-2021

Từ nước xếp thứ 10 thế giới về số lượng sinh viên đi nước ngoài học tập vào năm 2013, Việt Nam đã lên thứ 4 vào năm 2018 và thứ 3 vào năm 2021, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Khoảng 5% du học sinh có thụ hưởng học bổng từ Chính phủ Việt Nam, Chính phủ nước ngoài và các nguồn khác, còn lại 95% là tự túc (Phạm Quang Hùng, 2016). Sinh viên Việt Nam hiện có mặt chủ yếu ở các nước Úc, Mỹ, Nhật, Singapore, Anh, Đức, Canada, Hàn Quốc, Trung Quốc. Khi đánh giá trên cơ sở quy mô nền kinh tế chung và đo lường thông qua sản lượng GDP, dữ liệu cho thấy Việt Nam hiện gửi nhiều sinh viên đến Mỹ hơn bất kì quốc gia nào khác (U.S. Mission Vietnam, 2022).

Bên cạnh đó, hiện có gần 22.000 sinh viên nước ngoài đang học tập ở Việt Nam, cao nhất 9 năm qua (Như Nguyệt, 2024) (con số này năm 2016 là hơn 8.000 sinh viên, chiếm 0,1% tổng sinh viên quốc tế trên toàn thế giới). Trong đó, phần lớn sinh viên đến từ Lào, Campuchia, Triều Tiên và rải rác từ các nước trong khu vực và một vài nước phát triển như Mỹ, Úc, Pháp, Canada... Việt Nam đang trở thành điểm đến quen thuộc hơn với sinh viên Mỹ và Úc. Năm 2018, Việt Nam là điểm đến đến thứ 6 của sinh viên Úc theo các khóa học ngắn hạn và thực tập trong chương trình Colombo mới và hiện vươn lên thành điểm đến được ưa chuộng thứ 4 của sinh viên Úc, chỉ sau Trung Quốc, Indonesia và Ấn Độ (Đặng Trinh, 2019).

Chính phủ Việt Nam ngày càng chú trọng đẩy mạnh quan hệ hợp tác giáo dục với các nước trên thế giới. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác giáo dục với trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ,

đồng thời là thành viên tích cực của các tổ chức quốc tế và khu vực như UNESCO, SEAMEO, ASEAN, ASEM, APEC... Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Việt Nam đã thu hút được 605 dự án đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với tổng số vốn đầu tư lên tới trên 4,57 tỉ USD; khoảng 430 chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài được triển khai tại 65 cơ sở giáo dục đại học trong nước; có 5 cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam (Nhu Nguyệt, 2024) và 120 trường quốc tế từ bậc Mầm non đến Phổ thông chủ yếu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Doãn Hùng, 2024).

Như vậy, có thể nói giáo dục quốc tế của Việt Nam đã được chú ý phát triển. Tuy nhiên, để có thể khai thác được nhiều hơn lợi ích từ lĩnh vực này cần chú trọng hơn tới chiến lược phát triển giáo dục quốc tế của Việt Nam cho giai đoạn tới.

2.2. Chiến lược phát triển giáo dục quốc tế của một số quốc gia

2.2.1. Canada

Canada là một trong những nước có tỉ lệ sinh thấp nhất và tỉ lệ người già cao nhất thế giới. Quốc gia này hiện phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động trung và dài hạn nghiêm trọng, đặc biệt là trong các ngành nghề có yêu cầu trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Hiện nay, Canada tiếp tục coi giáo dục quốc tế là một trụ cột thiết yếu cho khả năng cạnh tranh lâu dài và là một công cụ ngoại giao quan trọng. Quốc gia này đã xác định, trong 5 năm, từ năm 2019 tới năm 2024, Chiến lược Giáo dục quốc tế hướng tới đa dạng hóa lĩnh vực giáo dục, tăng cường năng lực đổi mới, thúc đẩy các mối quan hệ toàn cầu và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Canada, đảm bảo lực lượng lao động của Canada có các kĩ năng và năng lực cần thiết để cạnh tranh thành công trên thị trường toàn cầu, tạo việc làm cho tầng lớp trung lưu và thúc đẩy sự thịnh vượng trên toàn quốc (Government of Canada, 2018). Theo đó, Chiến

lược giáo dục quốc tế Canada 2019-2024 hướng tới ba mục tiêu chính như sau:

Thứ nhất, khuyến khích sinh viên Canada đạt được những kĩ năng mới thông qua các cơ hội học tập và làm việc ở nước ngoài trong các lĩnh vực trọng điểm thị trường toàn cầu, đặc biệt là Châu Á. Điển hình là một dự án thí điểm sẽ cho phép thêm 11.000 sinh viên đại học Canada học tập và làm việc ở nước ngoài với hỗ trợ tài chính từ 5.000 đến 10.000 đô la một năm.

Thứ hai, đa dạng hóa các quốc gia nguồn của sinh viên quốc tế đến Canada cũng như các lĩnh vực, trình độ đào tạo và địa điểm học tập tại Canada.

Phát triển một chiến lược tiếp thị kĩ thuật số mới nhằm đa dạng hóa lĩnh vực giáo dục quốc tế của Canada và giải quyết các vấn đề về khoảng cách địa lí và nhân khẩu học. Nỗ lực thu hút thêm sinh viên quốc tế đến từ các quốc gia thị trường mục tiêu. Chiến lược này cũng hướng tới tìm cách đa dạng hóa các chương trình đào tạo ở cả hai thị trường sinh viên quốc tế lớn nhất là Ấn Độ và Trung Quốc (chiếm khoảng 50% sinh viên quốc tế ở Canada).

Hiện đại hóa quy trình nhập cư và có các chương trình học bổng để mở rộng luồng sinh viên quốc tế, thu hút tài năng, đa dạng hóa và tăng cường quan hệ đối tác.

Thứ ba, tăng cường hỗ trợ cho các tổ chức giáo dục của Canada để giúp phát triển các dịch vụ xuất khẩu của họ và khám phá những cơ hội mới ở nước ngoài.

Với những định hướng trên, số lượng sinh viên quốc tế đến Canada ngày càng tăng, đóng góp lớn hơn vào sự thịnh vượng của quốc gia (xem Bảng 1). Các chi phí cho giáo dục của sinh viên quốc tế có tác động lớn đến nền kinh tế của Canada hơn việc xuất khẩu phụ tùng ô tô, gỗ xẻ hoặc máy bay.

Nối tiếp bản chiến lược này, hiện nay, Canada đã lấy ý kiến tư vấn của tất cả các bên liên quan ở cả cấp Chính phủ, liên bang và cấp tỉnh để cập nhật, phát

Bảng 1: Số lượng sinh viên quốc tế và giá trị đóng góp vào GDP, tạo việc làm, doanh thu thuế giai đoạn 2014 - 2022

Chỉ số	Năm 2014	Năm 2022	Thay đổi giai đoạn 2014-2022
Số lượng sinh viên	438.157	844.444	+93%
Đóng góp vào GDP (tỉ USD)	9,3	30,9	+232%
Tạo việc làm	122.680	361.233	+194%
Doanh thu thuế (tỉ USD)	2,1	7,4	+253%

(Nguồn: Global Affairs Canada, 2023)

triển tiếp Chiến lược giáo dục quốc tế cho giai đoạn tiếp theo mà theo đó, 4 trụ cột chính được đề xuất là (Government of Canada, 2024):

1/ *Tiếp thị số (Digital marketing)*: Chiến lược tiếp thị và quảng cáo kỹ thuật số toàn cầu về giáo dục Canada sẽ tiếp tục được chú trọng và tập trung quảng bá những lợi ích khi du học tại Canada về chất lượng giáo dục, cơ hội việc làm...

2/ *Các chương trình học bổng quốc tế*: Được tiếp tục duy trì và mở rộng để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên quốc tế và các cơ sở đào tạo của Canada, củng cố mục tiêu được công nhận là điểm đến du học hàng đầu thế giới.

3/ *Đa dạng hóa trong giáo dục quốc tế*: Tiếp tục hướng tới đa dạng hóa quốc gia nguồn và khu vực ở quốc gia nguồn có sinh viên đến Canada; đa dạng hóa điểm đến ở Canada cũng như đa dạng hóa chương trình, lĩnh vực và cấp bậc học của sinh viên quốc tế để có thể đối phó tốt hơn với những thách thức thị trường lao động đang diễn ra của Canada.

4/ *Quản lý đại lý/trung tâm tư vấn giáo dục và du học, tuyển dụng sinh viên quốc tế* nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục và các vấn đề về di cư.

Ngoài ra, Canada sẽ hướng tới số hóa giáo dục quốc tế bằng việc tìm cách khai thác số hóa trong cải thiện giáo dục quốc tế, bao gồm các cơ hội học tập trực tuyến cũng như triển khai các dịch vụ kỹ thuật số để cải thiện trải nghiệm của sinh viên, mở ra thị trường mới cho xuất khẩu giáo dục của Canada. Số hóa sẽ tiếp tục đóng vai trò lớn hơn trong tuyển dụng và tiếp thị sinh viên quốc tế trực tuyến.

2.2.2. Úc

Nằm ở Châu Đại Dương, Úc được biết đến là một trong những quốc gia có nền giáo dục hàng đầu thế giới. Giáo dục quốc tế được đánh giá là một trong những câu chuyện thành công lớn của Úc. Đây được xem là ngành xuất khẩu lớn thứ tư của quốc gia này sau than đá, quặng sắt và khí đốt, mang lại 36,425 tỉ AUD cho nền kinh tế trong năm tài chính 2022-2023, trong đó hai phần ba (66%) tổng giá trị đến từ giáo dục đại học (Australian Government, 2024).

Từ năm 2016, Úc đã ban hành Chiến lược giáo dục quốc tế đến năm 2025. Chiến lược này đã được cập nhật, điều chỉnh ngay vào năm 2021 để đặt ra hướng đi mới cho lĩnh vực này tới năm 2030 phù hợp với bối cảnh thực tiễn thay đổi. Cụ thể, Chiến lược giáo dục quốc tế giai đoạn 2021-2030 đã đề ra bốn ưu tiên cần phải thực hiện gồm: 1/ Đa dạng hóa (về sinh viên và quốc gia nguồn cũng như các dịch vụ

cung cấp để tận dụng cơ hội kỹ thuật số); 2/ Đáp ứng nhu cầu kỹ năng của Úc; 3/ Sinh viên là trung tâm; 4/ Hỗ trợ tăng trưởng và cạnh tranh toàn cầu. Theo đó, định hướng các hoạt động của Chiến lược như sau (Australian Government, 2021):

Đa dạng hóa:

Đa dạng hóa các nhóm sinh viên và quốc gia nguồn ngoài 5 quốc gia chính, trong đó có Trung Quốc và Ấn Độ để mang lại nhiều lợi ích hơn cho sự phát triển giáo dục quốc tế của Úc. Chính phủ Úc cam kết hợp tác với ngành Giáo dục để xác định các chiến lược tối ưu nhằm thúc đẩy sự đa dạng sinh viên quốc tế ở các cấp độ khác nhau như cơ sở đào tạo, địa điểm đào tạo, lĩnh vực đào tạo, khóa học hoặc lớp học.

Đa dạng hóa việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật số và các dịch vụ ở nước ngoài. Chính phủ nước này cũng xác định các dịch vụ kỹ thuật số phải được định vị để bổ sung cho các mô hình đào tạo trong nước và ở nước ngoài, đan xen đổi mới tư duy và đổi mới công nghệ. Chiến dịch “Học tập với Úc” đã thu hút hơn 836.000 người đăng ký tham gia các khóa học trực tuyến miễn phí.

Đáp ứng nhu cầu kỹ năng Úc:

Cung cấp giáo dục quốc tế đáp ứng nhu cầu kỹ năng của Úc: Chính phủ Úc hướng đến thu hút sinh viên quốc tế học tập trong các lĩnh vực mà Úc cần kỹ năng. Để gắn kết các dịch vụ giáo dục với cơ hội việc làm, Chính phủ sẽ nâng cao hiểu biết của các cơ sở giáo dục về nhu cầu kỹ năng tương lai của Úc.

Ngoài ra, Chính phủ Úc cũng sẽ mở rộng các khóa đào tạo ra nước ngoài để tiếp cận nhiều quốc gia cần các khóa học này, đặc biệt là các lĩnh vực có nhu cầu kỹ năng trong tương lai như các khóa học về an ninh mạng, kỹ thuật, vận tải và hậu cần, du lịch/khách sạn và các lĩnh vực liên quan đến sức khỏe và tập trung hướng đến các quốc gia tiềm năng.

Bên cạnh đó, sẽ thiết lập quan hệ đối tác chất lượng trong nghiên cứu và hợp tác nhằm đáp ứng nhu cầu kỹ năng Úc. Úc tiếp tục nhắm tới các sinh viên nghiên cứu quốc tế (thạc sĩ nghiên cứu và tiến sĩ) trong các lĩnh vực phù hợp hơn với các ưu tiên phát triển kinh tế và nhu cầu lao động có tay nghề của Úc. Đồng thời, chú trọng vào việc chuyển dịch và thương mại hóa các nghiên cứu đạt chất lượng.

Sinh viên là trung tâm:

Tăng cường kết nối giữa sinh viên quốc tế với sinh viên và cộng đồng Úc thông qua các hoạt động như trải nghiệm ngoại khóa ngoài khuôn viên nhà trường bao gồm thực tập, mạng lưới nhà tuyển dụng...

Tăng cường liên kết giữa con người với con người thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích sinh viên Úc trải nghiệm học tập quốc tế ở nước ngoài; chú trọng phát triển mạng lưới cựu sinh viên Úc để quảng bá danh tiếng của Úc và nền giáo dục quốc tế Úc và thúc đẩy lợi ích quốc gia, đặc biệt là ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Trải nghiệm và sự hài lòng của sinh viên: Chính phủ Úc sẽ có các giải pháp để nâng cao nhận thức của sinh viên về quyền và trách nhiệm của họ khi sinh sống, làm việc và học tập tại Úc, đồng thời hỗ trợ các cơ sở giáo dục để cung cấp các chương trình hỗ trợ sinh viên và đảm bảo tiếp nhận các phản hồi của sinh viên quốc tế cho các chính sách có liên quan.

Hỗ trợ tăng trưởng và cạnh tranh toàn cầu:

Duy trì khung chất lượng vững chắc để đảm bảo tăng trưởng bền vững: Chính phủ sẽ tiến hành đánh giá lại Đạo luật Dịch vụ Giáo dục dành cho Du học sinh và Bộ luật Quốc gia nhằm đảm bảo các luật này tiếp tục hỗ trợ đổi mới giáo dục quốc tế, cung cấp giáo dục trực tuyến và giáo dục ở nước ngoài chất lượng cao, đồng thời mang lại trải nghiệm tối ưu cho sinh viên.

Duy trì khả năng cạnh tranh thông qua thay đổi chính sách về thị thực nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hỗ trợ đa dạng hóa sinh viên quốc tế và phù hợp với nhu cầu kỹ năng của Úc.

Duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác trên khắp thế giới để hỗ trợ mục tiêu đa dạng hóa các nhóm sinh viên, các loại khóa học và phương pháp cung ứng.

Thúc đẩy việc công nhận bằng cấp: Chính phủ Úc sẽ thúc đẩy công nhận bằng cấp Úc để đảm bảo cơ hội học tập và làm việc tốt hơn cho sinh viên quốc tế.

2.2.3. Trung Quốc

Trung Quốc có số lượng sinh viên du học nước ngoài nhiều nhất thế giới, hơn 1 triệu người, chiếm 16% tổng số sinh viên quốc tế trên toàn thế giới (Campus France, 2022), đồng thời cũng trong nhóm quốc gia đón nhiều sinh viên quốc tế tới học nhất.

Một trong những phương châm giáo dục của Trung Quốc là hướng ra thế giới: Học tập kinh nghiệm giáo dục thế giới, hội nhập hệ thống chất lượng giáo dục thế giới, liên kết đào tạo và công nhận giá trị bằng cấp với các nước tiên tiến trên thế giới; hướng tới tương lai: Đào tạo công dân Trung Quốc có năng lực hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa của thế kỷ XXI (Johnstone và Ji, 2018). Theo đó, hợp tác quốc tế và trao đổi giáo dục đã được tăng cường mạnh mẽ. Năm 2021, sinh viên

quốc tế từ 195 quốc gia đã theo học tại đất nước này. Trung Quốc cũng đã tiến hành hợp tác giáo dục với tất cả 181 quốc gia đang duy trì quan hệ ngoại giao và đã ký các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về trình độ học vấn với 58 quốc gia và vùng lãnh thổ (Ministry of Education, 2022).

Liên quan tới định hướng phát triển giáo dục quốc tế, từ năm 2016, Chính phủ Trung Quốc đã có chỉ đạo về việc “mở cửa giáo dục trong thời đại mới” (新华社, 2016). Trong đó, đã đặt ra các ưu tiên như sau:

Thứ nhất, tăng tốc phát triển và cải thiện chất lượng du học trong nước và quốc tế. Tối ưu hóa dịch vụ du học quốc tế thông qua cải thiện cơ chế thực hiện việc “Lựa chọn, cử đi, quản lý, trở về và sử dụng” để chuẩn hóa thị trường dịch vụ du học, nâng cao toàn bộ chuỗi hệ thống quản lý sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài, tối ưu hóa các quốc gia nguồn, xây dựng hệ thống dịch vụ chuyên nghiệp cho việc học tập tại Trung Quốc và tạo ra thương hiệu “Du học tại Trung Quốc”.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống, cơ chế và nâng cao trình độ giáo dục xuyên biên giới. Trong đó, tập trung vào xây dựng các chuyên ngành cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật cần thiết của đất nước, tiếp cận các nguồn lực nước ngoài chất lượng cao, hợp tác nâng cao toàn diện chất lượng trường học. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học và dạy nghề hợp tác với các doanh nghiệp trong quá trình vươn ra toàn cầu và khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia hoạt động giáo dục ở nước ngoài, thúc đẩy vững chắc các hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và các quốc gia khác.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo cấp cao, nâng cao sức mạnh và khả năng đổi mới của giáo dục Trung Quốc. Bằng cách thực hiện liên kết trong đào tạo nhân tài cấp cao và nghiên cứu khoa học; tuyển dụng nhân tài khoa học và đổi mới cấp cao toàn cầu để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đổi mới khoa học và công nghệ ở các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường học hỏi kinh nghiệm quản lý, quản trị tiên tiến của quốc tế và đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống đại học hiện đại mang đặc trưng Trung Quốc. Đồng thời, thúc đẩy xây dựng các chuyên ngành tiên tiến, các trường đại học, các chuyên ngành hàng đầu thế giới. Thông qua hỗ trợ các trường cao đẳng và đại học tham gia vào các chương trình khoa học và các dự án khoa học quốc tế lớn để xây dựng một số phòng thí nghiệm liên kết quốc tế cấp cao và các trung tâm nghiên cứu chung. Đẩy nhanh việc xây dựng đội ngũ giảng viên

trình độ cao, lựa chọn những giảng viên trẻ và lãnh đạo học thuật xuất sắc của Trung Quốc đến học tập và trao đổi tại các cơ sở giáo dục đại học nổi tiếng ở nước ngoài.

Thứ tư, đa dạng hóa các giao lưu con người và văn hóa giữa Trung Quốc và nước ngoài, tăng cường sự hiểu biết giữa mọi người. Thông qua việc tích hợp và xây dựng một nền tảng tham vấn giáo dục liên chính phủ cấp cao về giáo dục, xây dựng cơ chế hợp tác giữa các chuyên gia giáo dục, trao đổi sinh viên và giảng viên, xây dựng một số dự án quan trọng trong khuôn khổ giao lưu giữa Trung Quốc và nước ngoài; tích cực phát triển giáo dục vì sự hiểu biết quốc tế.

Thứ năm, thúc đẩy hợp tác cùng có lợi trong giáo dục bằng cách tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và Bộ Giáo dục các nước, tăng cường hợp tác và trao đổi giáo dục tiểu vùng, thúc đẩy xây dựng liên minh đại học, thúc đẩy hơn nữa hợp tác sâu rộng giữa các thành phố và các trường kết nghĩa, tích cực tham gia vào quản trị giáo dục toàn cầu, phát huy vai trò quan trọng trong cung cấp viện trợ giáo dục trong “Hợp tác Nam - Nam”; đẩy nhanh việc xây dựng các trung tâm đào tạo, giáo dục ở nước ngoài.

Thứ sáu, thực hiện sáng kiến giáo dục “Một Vành Đai Một Con Đường” và thúc đẩy hợp tác giáo dục với các quốc gia dọc theo Vành Đai và Con Đường. Mở rộng quy mô học bổng của Chính phủ Trung Quốc để tài trợ cho 10.000 sinh viên mới từ các quốc gia này đến học tập hoặc đào tạo tại Trung Quốc mỗi năm.

Hiện nay, trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục tập trung vào phát triển giáo dục chất lượng cao, vai trò của giáo dục quốc tế được đặc biệt nhấn mạnh để hướng tới mục tiêu rộng lớn hơn là trở thành cường quốc giáo dục toàn cầu vào năm 2035. Theo đó, quốc gia này hướng tới mở rộng hơn hợp tác quốc tế trong giáo dục, bao gồm giáo dục xuyên quốc gia và thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Trung Quốc (British Council, 2024). Cụ thể, Chính sách giáo dục của Trung Quốc tiếp tục ưu tiên hợp tác quốc tế chất lượng cao theo 2 nội dung chính sau: 1/ Thu hút các nguồn lực giáo dục đẳng cấp thế giới, đặc biệt là trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông qua thiết lập quan hệ đối tác giáo dục xuyên quốc gia cấp cao với các trường đại học quốc tế hàng đầu; 2/ Phát triển toàn cầu: Chính phủ Trung Quốc hỗ trợ quốc tế hóa các cơ sở giáo dục đại học và hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích sinh viên Trung Quốc đi du học, đồng thời mở rộng các chương trình giáo dục Trung Quốc ra nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật và y khoa.

Trung Quốc chú trọng tăng cường giáo dục quốc tế trong nước, tập trung vào việc tăng cường sức hấp dẫn của mình như một điểm đến cho sinh viên quốc tế. Sáng kiến “Du học tại Trung Quốc” có mục đích tăng gấp đôi số lượng trao đổi sinh viên với các nước Châu Âu trong ba năm tới. Quốc gia này sẽ triển khai một chương trình học bổng mới để thu hút nhiều sinh viên quốc tế hơn.

2.3. Một số hàm ý chính sách cho Việt Nam

Qua nghiên cứu bối cảnh phát triển và chiến lược, định hướng phát triển giáo dục quốc tế của Canada, Úc và Trung Quốc có thể thấy, ba quốc gia được nghiên cứu đều chú trọng tới việc xác định một chiến lược/ định hướng phát triển giáo dục quốc tế trung, dài hạn rõ ràng, cụ thể ở cấp độ quốc gia với mục tiêu và các nội dung hành động được ưu tiên khác nhau tương ứng với sự nhìn nhận khác nhau về các giá trị và lợi ích của giáo dục quốc tế. Trong khi với Canada và Úc, logic thương mại chiếm ưu thế, hai nước này tích cực tận dụng giáo dục quốc tế như một cơ chế hỗ trợ sự thịnh vượng của nền kinh tế quốc gia, củng cố vị thế dẫn đầu về giáo dục quốc tế thì Trung Quốc thiên về tăng cường hợp tác quốc tế và lợi ích của nó đối với việc định vị trong địa chính trị.

Một nội dung chính của giáo dục quốc tế được các quốc gia chú trọng là thu hút sinh viên quốc tế. Chính phủ các nước đều định hướng nâng cao và đảm bảo chất lượng đào tạo, uy tín của nền giáo dục quốc gia; đa dạng hóa các hình thức cung cấp giáo dục thông qua khai thác lợi ích của kỹ thuật số, phát triển giáo dục xuyên quốc gia, đẩy mạnh xuất khẩu các chương trình giáo dục, đồng thời tăng cường quảng bá, tiếp thị về điểm đến. Ngoài ra, nhằm tăng sức hấp dẫn và để thu hút nhân tài, bên cạnh chủ trương mở rộng các chương trình học bổng (như Canada và Trung Quốc), cải tiến các chính sách về thị thực, nhập cư (như Canada và Úc), các Chính phủ còn chú trọng nâng cao sự hài lòng của sinh viên quốc tế thông qua việc đảm bảo quyền lợi và các cơ hội kết nối trong mạng lưới và với cộng đồng bản địa, trải nghiệm văn hóa bản địa...

Bên cạnh đó, các quốc gia này cũng hướng tới đa dạng hóa các nguồn sinh viên quốc tế, đặc biệt như Canada còn hướng tới đa dạng hóa điểm đến cho sinh viên trên lãnh thổ của họ. Đồng thời, Canada và Úc còn chú ý tới việc điều hướng các sinh viên này tới học ở các trình độ, lĩnh vực, chương trình đào tạo mà quốc gia của họ ưu tiên phát triển và có nhu cầu cao về lao động có tay nghề.

Phát triển giáo dục quốc tế còn là *phát triển các*

dịch vụ giáo dục ở nước ngoài (bao gồm mở chi nhánh) như mục tiêu hướng tới của Úc và Trung Quốc.

Ngoài ra, các quốc gia đều chú trọng *khuyến khích sinh viên bản địa có thời gian học tập và làm việc ở nước ngoài để tăng trải nghiệm văn hóa và phát triển các phẩm chất, kỹ năng thích ứng với môi trường đang toàn cầu hóa mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu nhân lực của quốc gia thông qua các chương trình hỗ trợ tài chính, hợp tác...* Trong đó, Trung Quốc chú trọng nâng cao toàn bộ chuỗi hệ thống quản lý sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài.

Từ kinh nghiệm của các quốc gia và thực tế bối cảnh Việt Nam, có thể thấy rằng, Việt Nam cần *xây dựng một kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục quốc tế trung, dài hạn cụ thể* với sự tham gia tích cực của các cơ quan liên quan để khai thác được nhiều lợi ích của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và chính nền giáo dục của Việt Nam. Trong đó, có thể chú trọng *tăng cường thu hút sinh viên quốc tế* bằng cách:

Cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, trong đó tiếp tục chú trọng khuyến khích, tạo điều kiện phát triển một số trường đại học, ngành đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế thông qua thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học cả công lập và tư thục chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, đầu tư mạnh mẽ về cơ sở vật chất và nguồn lực, tạo môi trường học tập chất lượng cao và hiện đại, nâng cao chất lượng giảng viên, thu hút giảng viên nước ngoài, cập nhật chương trình, nội dung đào tạo theo xu hướng thế giới, thúc đẩy phát triển các chương trình giảng dạy quốc tế uy tín, các chuyên ngành sẽ có nhu cầu nhân lực cao ở trong nước cũng như quốc tế, các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh... Qua đó, gây dựng uy tín về chất lượng đào tạo và bằng cấp của giáo dục Việt Nam và cũng tạo cơ hội học tập cho những sinh viên Việt Nam mong muốn được thụ hưởng giáo dục có chất lượng cao, các chuyên ngành phù hợp mà không thể ra nước ngoài học.

Tăng cường các mạng lưới đối tác quốc tế và đẩy mạnh chất lượng quan hệ quốc tế về giáo dục để tạo cơ hội phát triển chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu cũng như điều kiện cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tạo điều kiện và khuyến khích các hoạt động trao đổi, hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế, đặc biệt trong phối hợp nghiên cứu và công bố quốc tế, để tạo thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng và vị thế của các đơn vị. Đồng thời, có cơ chế thu hút sự hợp tác và hỗ trợ của các mạng lưới đồng đảo cựu

du học sinh Việt Nam bởi họ có thể góp phần quan trọng trong thiết kế và phát triển các mạng lưới hợp tác đào tạo và khoa học quốc tế sâu sắc, đa dạng và hiệu quả, giúp đất nước hội nhập vào mạng lưới tri thức toàn cầu, cải thiện vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên thị trường giáo dục đại học thế giới. Khuyến khích các cơ sở đào tạo tranh thủ khai thác công cụ chuyển đổi số để đa dạng hóa các dịch vụ giáo dục và đào tạo, đa dạng hóa nội dung và hình thức giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học trong và ngoài nước và phù hợp thể mạnh của Việt Nam. Đồng thời, sử dụng các phương tiện này để quảng bá thông tin về văn hóa, đất nước, con người và các khóa học tập, thực tập ở Việt Nam ra quốc tế nhằm thu hút sinh viên nước ngoài.

Ngoài ra, việc cải tiến các điều kiện cấp thị thực, cơ hội học bổng và trợ cấp tài chính, cơ hội việc làm trong và sau khi tốt nghiệp, cơ hội kết nối, trải nghiệm văn hóa bản địa... cũng có thể được xem xét để tăng sức hấp dẫn đối với sinh viên quốc tế.

Bên cạnh đó, *tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam có các trải nghiệm giáo dục ở nước ngoài* thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế, học bổng... Chú trọng phát triển các hợp tác quốc tế để tạo thuận lợi cho các luồng lưu chuyển quốc tế của giảng viên, các nhà nghiên cứu, sinh viên từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại. Nhờ đó, tạo được môi trường đa văn hóa trong các cơ sở giáo dục Việt Nam, giúp tăng cường các trải nghiệm về giáo dục, ngôn ngữ, văn hóa quốc tế cho giảng viên, sinh viên Việt Nam. Đồng thời, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát, giám sát chất lượng các chương trình giáo dục, đào tạo liên kết, quốc tế thực hiện ở Việt Nam để đảm bảo chất lượng các chương trình “du học tại chỗ” ở phổ thông và đại học cho học sinh, sinh viên Việt Nam.

3. Kết luận

Bài viết cung cấp bức tranh khái quát về bối cảnh giáo dục quốc tế trên thế giới và định hướng phát triển giáo dục quốc tế của các quốc gia Canada, Úc và Trung Quốc. Theo đó, mỗi quốc gia đều có những chiến lược nhằm nỗ lực mở rộng sự có mặt và ảnh hưởng của mình ra quốc tế trong lĩnh vực giáo dục cũng như để thu được nhiều lợi ích hơn từ giáo dục. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, giáo dục quốc tế mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức cho các quốc gia và các cơ sở đào tạo. Bên cạnh những hạn chế, đặc biệt về điều kiện cung ứng giáo dục, Việt Nam cũng có những điểm có thể coi là thuận lợi cho sự phát triển của giáo

dục quốc tế, đó là chi phí học tập, sinh hoạt tương đối cạnh tranh, có những đặc trưng văn hóa truyền thống, môi trường sống ít biến động, điều kiện tự nhiên phong phú... và đặc biệt là tinh thần ham học, sẵn sàng đầu tư cho việc học tập của người dân. Do

đó, để phát triển giáo dục và thu được các lợi ích từ giáo dục quốc tế rất cần có sự quan tâm, chú ý hơn nữa của Chính phủ và các Bộ/Ngành với các chính sách phù hợp hơn với bối cảnh hiện nay và trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Arum, S. (1987). International education: What is it? A taxonomy of international education of U.S. universities. *CIEE Occasional Papers on International Educational Exchange*, 23, 5-22. <https://eric.ed.gov/?id=ED305835>.
- Australian Government. (2021), *Australian Strategy for International Education 2021-2030*. <https://www.education.gov.au/australian-strategy-international-education-2021-2030/resources/australian-strategy-international-education-2021-2030>.
- Australian Government. (2024). *Education export income - Financial Year*. <https://www.education.gov.au/international-education-data-and-research/education-export-income-financial-year#:~:text=International%20education%20was%20worth%20%2436.4,billion%20paid%20as%20Tuition%20fees>, ngày 09/11/2024.
- British Council. (2024). *China International Education Policy update*. <https://opportunities-insight.britishcouncil.org/news/news/china-international-education-policy-update>, ngày 10/10/2024.
- Campus France. (2022). *Key Figures on student mobility worldwide*. https://ressources.campusfrance.org/publications/chiffres_cles/en/synthese_chiffres_cles_2022_en.pdf.
- Campus France. (2024). *La mobilité étudiante dans le monde - Chiffre clés* [Student mobility in the world - Key figures]. <https://chiffrescles2024.campusfrance.org/sites/default/files/documents/2024/Chiffres-cl%C3%A9s-2024-web.pdf>.
- Doãn Hùng. (2024). *Việt Nam trong top 5 tỉ lệ tăng trưởng quốc tế*. <https://vnexpress.net/viet-nam-trong-top-5-ty-le-tang-truong-quoc-te-4725240.html>, ngày 10/10/2024.
- Đăng Trình. (2019). *Du học Việt Nam, tại sao không!* <https://nld.com.vn/giao-duc-khoa-hoc/du-hoc-viet-nam-tai-sao-khong-20190829153820824.htm>, ngày 10/10/2024.
- Government of Canada. (2018). *Building on Success: International Education Strategy 2019-2024*. <https://www.international.gc.ca/education/strategy-strategie/2019-2024.aspx?lang=eng>.
- Government of Canada. (2024). *Renewing Canada's International Education Strategy*. <https://www.international.gc.ca/education/strategy-strategie/renewal-renouvellement.aspx?lang=eng>, ngày 10/10/2024.
- IIE. (nd). *Economic Impact of International Students*. <https://www.iie.org/Research-and-Insights/Open-Doors/Economic-Impact-of-International-Students>, ngày 10/10/2024.
- James, K. (2005). International education: The concept, and its relationship to intercultural education. *Journal of research in international education*, 4(3), 313-332. DOI:10.1177/1475240905057812.
- Johnstone, C. J. & Ji, L. L. (2018). *The Rise of China-U.S. International Cooperation in Higher Education: View from the field*. Brill Sense, Leiden. <https://link.springer.com/article/10.1007/s10734-018-0327-1>.
- Ministry of Education. (2022). *MOE press conference presents sea change in China's educational landscape*. http://en.moe.gov.cn/news/press_releases/202210/t20221013_669322.html, ngày 10/10/2024.
- Như Nguyệt. (2024). *Số lượng sinh viên nước ngoài học ở Việt Nam cao nhất 9 năm qua*. *Tạp chí Điện tử*. <https://vneconomy.vn/so-luong-sinh-vien-nuoc-ngoai-hoc-o-viet-nam-cao-nhat-9-nam-qua.htm>, ngày 10/10/2024.
- Paul Tarc. (2023). *Diversity, Democracy, and Social Justice in Education*, in *International Encyclopedia of Education* (Fourth Edition).
- Phạm Quang Hùng. (2016). *International Student Mobility: A Vietnamese Perspective* [Paper presentation]. Đối thoại chính sách lần thứ 3 (The Third SHARE Policy Dialogue) "Making Universities Fit for The ASEAN Community: Enhancing Internationalisation through Student Mobility Tools".
- U.S. Mission Vietnam. (2022). *Vietnamese Students Now Fifth Largest Group of Foreign Students in the U.S.* <https://vn.usembassy.gov/vietnamese-students-now-fifth-largest-group-of-foreign-students-in-the-u-s-key-indicator-of-deepening-bilateral-ties/>, ngày 10/10/2024.
- 新华社. (2016). 中共中央办公厅、国务院办公厅印发《关于做好新时期教育对外开放工作的若干意见》 [The General Office of the CPC Central Committee and the General Office of the State Council issued "Several Opinions on Doing a Good Job in Opening Up Education in the New Era"]. https://www.gov.cn/xinwen/2016-04/29/content_5069311.htm, ngày 10/10/2024.